

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 60/2020/DS-GĐT

Ngày 30/9/2020

Về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Chánh án;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ngọc Hà và ông Phạm Việt Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Đình D sinh năm 1982; địa chỉ: số X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Trung Ng; địa chỉ: số X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Hà Văn Th, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962, cùng địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Văn Kh - Luật sư thuộc chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV T, đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Đào Ngọc H; địa chỉ: số K, tổ dân phố số N, thị trấn M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Hà Văn C; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Phía nguyên đơn trình bày:** Ông Ng và ông D là anh em họ, kinh doanh chung tại cơ sở cầm đồ D tại số X, tổ dân phố số N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 15/12/2017, vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H đến cơ sở cầm đồ D đề nghị vay số tiền 600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng trong thời hạn 02 ngày (từ ngày 15/12/2017 đến ngày 16/12/2017), theo lãi suất ngân hàng. Vợ chồng ông Th, bà H để lại các giấy tờ làm tin bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT467526 và BT467527 và chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của ông Th, bà H. Sau khi xem nhà và các tài liệu do vợ chồng ông Th bà H cung cấp,

Ông Ng và ông D chấp nhận cho vợ chồng ông Th bà H vay số tiền 600.000.000đồng, ông Th bà H đã nhận đủ tiền. Ông Lê Đình D là người đại diện chỉ lập 01 văn bản “Giấy mượn tiền” với vợ chồng ông Th bà H. Vợ chồng ông Th, bà H ký và điểm chỉ vào giấy mượn tiền 600.000.000đồng với ông Lê Đình D. Ngoài ra, vợ chồng ông Th, bà H không vay, cũng không ký giấy vay nợ nào có nội dung 100 triệu hay 200 triệu và cũng không ký thêm bất kỳ văn bản nào khác như vợ chồng ông Th bà H trình bày. Nay vợ chồng ông Th bà H không trả nợ, ông D giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Th, bà H phải trả cho ông D 600.000.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

**2. Phía bị đơn trình bày:** Vợ chồng bà H không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đình D và ý kiến trình bày của ông Ng. Vợ chồng bà H không quen biết, không trực tiếp giao dịch và không vay tiền của ông D. Ngày 15/12/2017, vợ chồng bà H trực tiếp vay của Ông Ng 300.000.000đồng ở tiệm cầm đồ, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Vợ chồng bà H ký tên và điểm chỉ vào 02 giấy vay tiền, 01 giấy vay 100.000.000đồng và 01 giấy vay 200.000.000đồng. Thực tế khi giao tiền, Ông Ng đã trừ 12.000.000đồng tiền lãi của 02 ngày đầu và chỉ giao cho vợ chồng bà H 288.000.000đồng, Ông Ng nói tiền lãi từ ngày thứ 3 trở đi là 2.100.000đồng/ngày. Ông Ng giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của vợ chồng bà H và yêu cầu vợ chồng bà H ký vào hai tập giấy “Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà”. Đồng thời yêu cầu vợ chồng ông Th bà H ký vào giấy mượn tiền chưa điền thông tin gì, đây chính là tờ giấy mượn tiền ai đó đã viết thông tin vợ chồng ông Th, bà H vay của ông D 600.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2017, vợ chồng bà H chưa trả được 300.000.000đồng cho ông Ng. Bà H bị Ông Ng đưa đến tiệm cầm đồ để làm việc. Ông Ng đưa ra tờ giấy có nội dung vợ chồng ông Th bà H mượn của ông D 600.000.000đồng đã có chữ ký và điểm chỉ của vợ chồng bà H. Ông Ng nói vợ chồng bà H vay 300.000.000đồng không trả được nên bị phạt thành 600.000.000đồng. Khi ông Đào Ngọc H cùng anh Hà Văn C (con của ông Th bà H) đến, hai bên thương lượng thì Ông Ng nói nể ông H nên đồng ý bớt cho vợ chồng bà H 130.000.000đồng trong số tiền 600.000.000đồng và yêu cầu anh C phải ký nhận nợ 470.000.000 thay cho vợ chồng bà H, trong thời hạn là 10 ngày phải trả đủ nợ cho ông Ng. Anh C chấp nhận ký nợ thay ông Th, bà H 470.000.000đồng nhưng Ông Ng không trả cho bà H giấy vay tiền 600.000.000đồng ngày 15/12/2017. Ông Ng nói nếu sau 10 ngày ông Th bà H hoặc anh C không trả nợ thì Ông Ng sẽ cộng cả hai tờ giấy lại thành 1.070.000.000đồng.

Giấy mượn tiền ngày 15/12/2017 mà ông D khởi kiện vợ chồng bà H, không có giá trị vì được vợ chồng bà H ký tên và điểm chỉ trước khi ai đó ghi thông tin vào giấy. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H phải trả 600.000.000đồng là không có căn cứ. Mặt khác vợ chồng bà H chỉ giao cho Ông Ng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 23.421,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng trị giá khoảng 300.000.000đồng thì không thể nào Ông Ng hoặc ông D cho vợ chồng bà H vay

600.000.000đồng. Giấy mượn tiền này đã được thay thế bằng giấy mà anh C ký nhận nợ thay cho ông Th bà H. Vợ chồng bà H vay tiền giúp bà Nguyễn Thị H ở thôn Y xã C để bà H đảo nợ ngân hàng. Do bà H chưa có tiền trả cho vợ chồng bà H nên vợ chồng bà H chưa có tiền trả cho ông Ng. Vợ chồng bà H chỉ chấp nhận trả cho Ông Ng 288.000.000đồng tiền vay ngày 15/12/2017 và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

### **3. Những người làm chứng trình bày:**

- **Ông Hà Văn C trình bày:** Ông C không chứng kiến và không biết ông bà H vay tiền ở tiệm cầm đồ D từ thời gian nào. Ngày 25/12/2017 Ông C nhận được tin báo, bà H đang bị giữ ở tiệm cầm đồ D và đã được ông Đào Ngọc H đưa về nhà ăn cơm. Đến 14 giờ cùng ngày, Ông C cùng ông H và bà H quay lại tiệm cầm đồ. Ông C yêu cầu được xem giấy vay nợ thì Ông Ng đưa tờ giấy nợ 600.000.000đồng có chữ ký và điểm chỉ của ông Th, bà H. Ông H thắc mắc với ông Ng, tại sao bà H nói vay 300.000.000đồng mà nay lại thành 600.000.000đồng thì Ông Ng nói do ông Th, bà H vay quá hạn 5 ngày nên tăng gấp đôi. Sau khi thương lượng, Ông Ng đồng ý giảm 130.000.000đồng tiền nợ và yêu cầu Ông C phải ký nhận trách nhiệm trả nợ thay bà H 470.000.000đồng trong thời hạn 10 ngày. Bà H nói số tiền nợ trên là vay giúp bà H. Ông C gọi điện thoại cho bà H và được bà H hẹn trả nợ nên Ông C chấp nhận ký vào giấy nhận nợ 470.000.000đồng để thay thế giấy nợ 600.000.000đồng của ông Th bà H. Tuy nhiên sau khi Ông C ký và điểm chỉ vào tờ giấy 470.000.000đồng thì Ông Ng không xé, cũng không trả lại tờ giấy vay 600.000.000đồng. Theo ông C, giấy 600.000.000 đồng có chữ ký và điểm chỉ của ông Th, bà H không còn giá trị, vì đã được thay thế bằng giấy 470.000.000đồng mà Ông C ký nhận nợ ông D.

- **Ông Đào Ngọc H trình bày:** Ông H không biết việc vợ chồng ông Th, bà H vay tiền hay ký giấy vay nợ ông D 600.000.000đồng từ thời gian nào. Ngày 25/12/2017, ông H thấy bà H ở nhà nghỉ Văn Long (đối diện tiệm cầm đồ D). Do quen biết bà H, ông H hỏi chuyện thì được bà H nói: vợ chồng bà H có vay số tiền 300.000.000đồng của tiệm cầm đồ D, hết thời hạn vay nhưng vợ chồng bà H chưa trả được tiền nên ra làm việc với chủ tiệm cầm đồ. Ông H xin ông Ng, đưa bà H về nhà ăn cơm. Buổi chiều, ông H cùng bà H và anh C quay lại tiệm cầm đồ, ông H thấy người của tiệm cầm đồ đưa ra giấy tờ thể hiện vợ chồng ông Th bà H mượn của họ 600.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận về việc giảm bớt số tiền nợ của vợ chồng bà H. Sau 02 lần điện thoại, người của tiệm cầm đồ chấp nhận giảm số nợ của vợ chồng bà H xuống còn 470.000.000đồng. Anh Hà Văn C xin được nhận trách nhiệm trả nợ thay ông Th bà H để xin cho bà H về. Sau đó, ông H đi làm nên không chứng kiến hai bên có lập văn bản hay thỏa thuận gì thêm với nhau không.

- **Bà Nguyễn Thị H trình bày:** Khoảng tháng 12 năm 2017, bà H đề nghị vay của vợ chồng ông Th, bà H 300.000.000đồng. Qua trao đổi ông Th, bà H nói vay giúp bà H 300.000.000đồng tại tiệm cầm đồ D ở thị trấn M. Ông Th, bà H nói tiệm cầm đồ trừ luôn tiền lãi hai ngày là 12.000.000đồng; ông Th, bà H giữ 8.000.000đồng để chi tiêu cá nhân và giao cho bà H 280.000.000đồng. Thực tế, bà

H không chứng kiến việc vợ chồng ông Th bà H vay tiền tại tiệm cầm đồ D.

**- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình D:

Buộc vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Đình D 600.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 15/12/2017.

Ông Lê Đình D phải trả lại cho vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT467526 và BT467527 ngày 30/10/2017 do ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H và chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của ông Th, bà H.

*Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.*

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 09/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 30/11/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

**- *Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 57A/2019/DS-PT ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:***

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] . Áp dụng các Điều 305, Điều 428, Điều 435, Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình D.

Buộc vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Đình D 600.000.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 15/12/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Ông Lê Đình D phải trả lại cho vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT467526 và BT467527 ngày 30/10/2017 do ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H và chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của ông Th bà H.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 23/7/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Tại Báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm số 956/VKS-DS ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 73/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 12/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 57A/2019/DS-PT ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm với nhận định:

1. Về tố tụng:

Đối với việc tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 02/4/2019, Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt 06 Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Kh. Ông Kh cam kết sẽ giao Quyết định này cho ông Th, bà H, anh C, ông H và bà H (BL 181). Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Kh chỉ được ông Hà Văn Th và bà Nguyễn Thị H ủy quyền vào ngày 28/12/2018, không được anh C, ông H hay bà H ủy quyền tham gia tố tụng (BL 160-161).

Vì vậy, Tòa án phúc thẩm đã vi phạm khoản 1 điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về phương thức tổng đạt các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/4/2019, chỉ có ông Nguyễn Văn Kh có mặt tại phiên tòa, còn ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H, ông Đào Ngọc H, bà Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C đều vắng mặt (BL 232).

Như vậy, Tòa án phúc thẩm đã vi phạm nghiêm trọng trong việc tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 15/12/2017, bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th mượn ông Lê Đình D số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn mượn 02 ngày (từ ngày 15/12/2017 đến ngày 16/12/2017), không công chứng, chứng thực, không ghi lãi suất (BL 02). Khi mượn tiền, ông Th, bà H có cầm cố 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 28).

Ngày 01/02/2018, ông Lê Đình D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông Th phải trả lại số tiền 600.000.000 đồng (BL 01).

Vợ chồng ông Th, bà H thừa nhận, chữ ký, chữ viết và điểm chỉ vào Giấy mượn tiền ngày 15/12/2017 là của Ông, Bà. Tuy nhiên, ông Th, bà H cho rằng Ông, Bà ký vay Ông Ng 300.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận 288.000.000 đồng, vì đã trừ 12.000.000 đồng tiền lãi của 02 ngày đầu; Ông Ng yêu cầu Ông, Bà ký vào giấy mượn tiền chưa điền thông tin gì. Do không trả kịp thời hạn nên ông D tính thành 600.000.000 đồng. Giá trị cả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ khoảng 300.000.000 đồng thì không lý do gì ông D để cho ông Th, bà H vay số tiền lên đến 600.000.000 đồng (BL 225, 227-228).

Bà Nguyễn Thị H (là người nhờ vợ chồng ông Th, bà H vay) trình bày: “Khoảng tháng 12/2017, tôi đề nghị vay của vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng. Qua trao đổi, ông Th, bà H nói vay giúp tôi 300.000.000 đồng tại tiệm cầm đồ D, thị trấn M’Đrắk. Ông Th, bà H nói tiệm cầm đồ trừ luôn tiền lãi là 12.000.000 đồng, ông Th, bà H giữ 8.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân và giao cho tôi 280.000.000 đồng” (BL 69).

Lời khai trên phù hợp với lời khai của ông Đào Ngọc H: “Khoảng tháng 12/2017, tôi thấy bà Nguyễn Thị H ở tiệm cầm đồ D.... Do quen biết nên tôi hỏi chuyện thì được bà H trình bày rằng: Vợ chồng bà H có vay số tiền 300.000.000 đồng của tiệm cầm đồ D, hết thời gian vay nhưng vợ chồng bà H chưa trả được tiền nên ra làm việc với chủ tiệm cầm đồ. Do quen biết nên tôi có đưa bà H về nhà tôi ăn cơm. Sau đó, tôi cùng bà H và anh Hà Văn C đến tiệm cầm đồ... Hai bên thỏa thuận về việc giảm bớt số tiền nợ của vợ chồng bà H. Sau 02 lần điện thoại, người của tiệm cầm đồ chấp nhận giảm số nợ của vợ chồng bà H xuống còn 470.000.000 đồng. Anh Hà Văn C xin được nhận trách nhiệm trả nợ thay...” (BL 70).

Anh Hà Văn C (con ông Th, bà H) trình bày: “Ngày 25/12/2017, tôi được báo tin mẹ tôi đang bị giữ ở tiệm cầm đồ D và được bác Đào Ngọc H đưa về nhà ăn cơm. Đến 14h cùng ngày, tôi cùng bác H và mẹ tôi quay lại tiệm cầm đồ, tôi yêu cầu được xem giấy vay nợ của mẹ tôi thì anh Ng đưa tờ giấy nợ 600.000.000 đồng có chữ ký, điểm chỉ của bố mẹ tôi. Bác H thắc mắc rằng mẹ tôi nói vay 300.000.000 đồng mà sao lại thành 600.000.000 đồng thì được anh Ng nói mẹ tôi vay quá hạn 5 ngày nên tăng gấp đôi. Qua thỏa thuận, anh Ng đồng ý bớt cho mẹ tôi 130.000.000 đồng tiền nợ và yêu cầu tôi phải ký nhận trách nhiệm trả nợ thay cho mẹ tôi 470.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày.... Tuy nhiên, sau khi tôi ký và điểm chỉ vào tờ giấy 470.000.000 đồng thì anh Ng không trả lại cho tôi tờ giấy vay 600.000.000 đồng” (BL 66, 80-81).

Vợ chồng ông Th, bà H và anh C trình bày: Sau khi không trả được nợ, tại tiệm cầm đồ, Ông Ng bớt 130.000.000 đồng trong số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu anh C ký nhận nợ 470.000.000 đồng thay cho vợ chồng ông Th, bà H. Tuy nhiên, anh C lại không lấy lại giấy mượn tiền ngày 15/12/2017. Ông Ng vừa khởi kiện ông Th, bà H vừa kiện anh C là không đúng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2019/DS-PT ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” giữa nguyên đơn ông Lê Đình D với bị đơn ông Hà Văn C đã buộc Ông C trả cho ông D 470.000.000 đồng.

Xét thấy, ông D và ông Ng kinh doanh tiệm cầm đồ, khi cho vay thì đều phải có tài sản thế chấp, giá trị tài sản thế chấp phải tương đương hoặc lớn hơn số tiền ông D, ông Ng cho vay. Trong khi đó ông Th, bà H và ông C là người không quen biết và giá trị tài sản thế chấp của ông Th, bà H chỉ khoảng 300.000.000 đồng (theo lời khai của bà H) thì không có lý do gì ông D, ông Ng cho vay 600.000.000 đồng và ông Hà Văn C không thế chấp tài sản gì nhưng ông D, ông Ng lại cho vay 470.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai của ông Th, bà H, ông C, ông H, bà H về nội dung: ông Th, bà H vay 300.000.000 đồng để cho bà H vay lại đáo hạn Ngân hàng; do không trả đúng thời hạn nên bị ông D, ông Ng phạt thành 600.000.000 đồng; sau đó ông Hà Văn C đã nhận nợ thay 470.000.000 đồng (sau khi đã bớt 130.000.000 đồng) cho ông Th, bà H là có căn cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự phúc thẩm số 57A/2019/DS-PT ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Đình D 600.000.000 đồng là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th, bà H.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th, bà H trình bày: ông Th, bà H thừa nhận, chữ ký, chữ viết và điểm chỉ vào Giấy mượn tiền ngày 15/12/2017 là của Ông, Bà. Tuy nhiên, ông Th, bà H cho rằng Ông, Bà ký vay ông Ng 300.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận 288.000.000 đồng, vì đã trừ 12.000.000 đồng tiền lãi của 02 ngày đầu; ông Ng yêu cầu Ông, Bà ký vào giấy mượn tiền chưa điền thông tin gì; do không trả kịp thời hạn nên ông D tính thành 600.000.000 đồng; tại tiệm cầm đồ, có anh Đào Ngọc H nên ông Ng bớt 130.000.000 đồng trong số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu anh C ký nhận nợ 470.000.000 đồng thay cho vợ chồng ông Th, bà H; do anh C không lấy lại giấy mượn tiền ngày 15/12/2017 nên ông Ng vừa khởi kiện ông Th, bà H giấy vay 600.000.000 đồng vừa kiện anh C theo giấy vay số tiền 470.000.000 đồng là không đúng.

Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng, anh Đào Ngọc H khai: ...*tôi thấy người của tiệm cầm đồ đưa ra giấy tờ thể hiện vợ chồng ông Th bà H mượn của họ 600.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận về việc giảm bớt số tiền nợ của vợ chồng bà H. Sau 02 lần điện thoại, người của tiệm cầm đồ chấp nhận giảm số nợ của vợ chồng bà H xuống còn 470.000.000đồng. Anh Hà Văn C xin được nhận trách nhiệm trả nợ thay ông Th bà H...*

Anh Hà Văn C (con ông Th, bà H) trình bày: ... *tôi yêu cầu được xem giấy vay nợ của mẹ tôi thì anh Ng đưa tờ giấy nợ 600.000.000 đồng có chữ ký, điểm chỉ của bố mẹ tôi. Bác H thắc mắc rằng mẹ tôi nói vay 300.000.000 đồng mà sao lại thành 600.000.000 đồng thì được anh Ng nói mẹ tôi vay quá hạn 5 ngày nên tăng gấp đôi. Qua thỏa thuận, anh Ng đồng ý bớt cho mẹ tôi 130.000.000 đồng tiền nợ và yêu cầu tôi phải ký nhận trách nhiệm trả nợ thay cho mẹ tôi 470.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày.... Tuy nhiên, sau khi tôi ký và điểm chỉ vào tờ giấy 470.000.000 đồng thì anh Ng không trả lại cho tôi tờ giấy vay 600.000.000 đồng.*

Như vậy, mặc dù không chứng kiến việc vay mượn tiền; nhưng lời khai của anh C, anh H và ông Th, bà H phù hợp với nhau về việc người của tiệm cầm đồ chấp nhận giảm số nợ của vợ chồng bà H từ 600.000.000 đồng xuống còn

470.000.000 đồng và anh Hà Văn C nhận trách nhiệm trả nợ thay bà H và phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị H: “Khoảng tháng 12/2017, tôi đề nghị vay của vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng. Qua trao đổi, ông Th, bà H nói vay giúp tôi 300.000.000 đồng tại tiệm cầm đồ D, thị trấn M. Ông Th, bà H nói tiệm cầm đồ trừ luôn tiền lãi là 12.000.000 đồng, ông Th, bà H giữ 8.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân và giao cho tôi 280.000.000 đồng”; đồng thời phù hợp với số tiền phía bên tiệm cầm đồ là anh D kiện anh C theo giấy vay 470.000.000 đồng trong khi đó anh C không có thế chấp tài sản gì. Mặt khác, giá trị tài sản thế chấp của ông Th, bà H (Quyền sử dụng đất của 02 thửa đất có giá khoảng 300.000.000 đồng) nhưng ông D, Ông Ng cho vay 600.000.000 đồng cũng là không hợp lý. Bên cạnh đó, lời khai về nguồn gốc số tiền vay của anh C, anh Hùng và ông Th, bà H trong vụ án này thống nhất với lời khai trong vụ án ông D khởi kiện anh C theo giấy vay số tiền 470.000.000 đồng đã được Tòa án tỉnh Đắk Lắk xét xử chấp nhận tại Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2019/DSPT ngày 02/5/2019. Do đó Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm tiếp tục xử buộc vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Đình D số tiền 600.000.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th, bà H.

Ngoài ra, tại Biên bản làm việc ngày 04/3/2019 của VKSND tỉnh Đắk Lắk bà H khai: Vào ngày 15/12/2017 tôi được chị H1 ở gần nhà bà H có dẫn tôi tới vay tiền tại tiệm cầm đồ D tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk nhưng do bìu đỏ đúng tên con trai tôi là Phạm Hoài Q nên anh Ng không cho tôi vay, do bà H còn nợ hơn 100 triệu Bà vay giúp cho bà H nên Bà đã giới thiệu cho bà H biết và đi ra tiệm cầm đồ D vay tiền. Cùng ngày hôm đó bà H ra vay được số tiền 300.000.000đ... “Tại cửa hàng hôm đó vợ chồng tôi có ký vào một hợp đồng soạn sẵn để đi công chứng và “Giấy mượn tiền đã in sẵn nhưng chưa ghi nội dung. Ngày 15/12/2017 chị Phan Thị Ph là người làm công trong nhà tôi có đi cùng vợ chồng ông Th, bà H tới cửa hàng cầm đồ để lấy “Giấy mượn tiền” đã in sẵn mà vợ chồng tôi đã điểm chỉ vào mang về cho tôi, còn hợp đồng đã soạn sẵn thì Ông Ng không đưa...”. Như vậy, người biết nội dung vụ án này có chị Phan Thị Ph, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa tiến hành lấy lời khai của bà Ph để có cơ sở xem xét, đánh giá bản chất vụ án là thiết sót.

Liên quan đến các khoản nợ nói trên, do bà H, ông Th chưa trả tiền cho ông D nên phía bên tiệm cầm đồ có cho người đến nhà bà H đòi nợ, quá trình đòi nợ xảy ra xô xát, tại Bản án Hình sự số 25/2018/HS-ST ngày 06/11/2018 ông Hà Văn C (con bà H) phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Bắt giữ người trái pháp luật” với hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù, bồi thường cho người bị hại số tiền 56.950.000đ, ông Hà Văn Th (chồng bà H) phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” với hình phạt 06 tháng tù treo. Phía bên tiệm cầm đồ là anh D có khởi kiện 02 vụ án dân sự đòi anh C số tiền 470 triệu đồng và đòi vợ chồng bà H số tiền 600 triệu đồng đã được Tòa án tỉnh Đắk Lắk xét xử chấp nhận tại Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2019/DSPT ngày 02/5/2019 và Bản án dân sự phúc thẩm số 57A/2019/DS-PT ngày 17/4/2019.



Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 73/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 12/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử :

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 57A/2019/DS-PT ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là ông Lê Đình D với bị đơn là ông Hà Văn Th và bà Nguyễn Thị H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk (2 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dũng**